

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6750**/TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày **18** tháng **8** năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa
(phục vụ cuộc họp thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1590/TTg-DMDN ngày 18/11/2021 về việc đẩy mạnh triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, văn bản số 509/VPCP-TH ngày 19/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về Chương trình công tác năm 2022 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân và thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cập nhật các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ

- Ngày 10/5/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2019/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thời điểm ban hành Nghị định số 39/2019/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định cụ thể đối với tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Do đó, để có cơ sở hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 39/2019/NĐ-CP đã ban hành các điều kiện cần thiết đối với từng đối tượng.

Ngày 26/8/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018); trong đó, đã quy định cụ thể các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Theo quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP, các nội dung về cơ cấu tổ

chức, về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của Quỹ, Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Giám đốc và bộ máy giúp việc được căn cứ quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Ngày 17/6/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2020, theo đó đã có sự thay đổi một số nội dung so với Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Nhằm đảm bảo tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật, các nội dung quy định về hỗ trợ doanh nghiệp, về cơ cấu tổ chức, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên liên quan quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP cần sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; đồng thời, rà soát, sửa đổi bảo đảm thống nhất với Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung để giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP

a. Về hoạt động cho vay và tài trợ vốn

Thực tế trong quá trình triển khai hoạt động cho vay của Quỹ theo Nghị định số 39/2019/NĐ-CP phát sinh trường hợp doanh nghiệp có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh đã được vay vốn tại Quỹ nhưng tiếp tục đề xuất nhận vốn cho vay để thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh mới khi chưa trả hết nợ gốc và lãi tiền vay của dự án cũ.

Về nội dung này, Nghị định số 39/2019/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể nên Quỹ chưa đủ cơ sở để xem xét quyết định chuyển vốn cho doanh nghiệp vay đối với những trường hợp nêu trên.

b. Về trích lập dự phòng rủi ro

Nghị định số 39/2019/NĐ-CP có quy định cụ thể về nội dung trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động cho vay (Điều 38). Tuy nhiên, cần sửa đổi trích dẫn đến quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật đối với nội dung trích lập dự phòng rủi ro.

c. Về quy định đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc và Ban kiểm soát

Một số nội dung quy định về cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát, thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên, Giám đốc, điều kiện, tiêu chuẩn trở thành Kiểm soát viên và mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cũng cần được hoàn thiện để đảm bảo rõ ràng, minh bạch và phù hợp pháp luật liên quan.

II. MỤC ĐÍCH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng Nghị định

Nhằm đảm bảo tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật, hoàn thiện các nội dung về cơ cấu tổ chức, về quyền, nghĩa vụ

và trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của Ủy, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định hiện hành và tháo gỡ một số vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tạo sự minh bạch, rõ ràng, thuận lợi trong triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tiếp tục kế thừa các quy định đang thực hiện đạt kết quả, sửa đổi những quy định chưa phù hợp; bổ sung, cập nhật nội dung bảo đảm phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1590/TTg-DMDN ngày 18/11/2021 về việc đẩy mạnh triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; văn bản số 509/VPCP-TH ngày 19/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về Chương trình công tác năm 2022 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục trình Nghị định theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

- Ngày 09/6/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 1027/QĐ-BKHĐT về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 39/2019/NĐ-CP.

- Ngày 25/11/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 8519/BKHĐT-QDNNVV gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan và đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến rộng rãi Dự thảo Nghị định và Dự thảo Tờ trình (lần 1).

- Ngày 08/12/2022, toàn văn Dự thảo Nghị định và Dự thảo Tờ trình đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi.

- Ngày 09/12/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 8924/BKHĐT-QDNNVV về việc đôn đốc việc góp ý đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 39/2019/NĐ-CP (lần 1).

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được 136 ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức; không có ý kiến của các cá nhân, tổ chức thông qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Nghị định và đã gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan (lần 2) tại văn bản số 4880/BKHĐT-QDNNVV ngày 23/6/2023 và đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến rộng rãi.

- Ngày 03/7/2023, toàn văn Dự thảo Nghị định và Dự thảo Tờ trình gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan (lần 2) đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi.

- Ngày 13/7/2023, Bộ có văn bản số 5533/BKHĐT-QDNNVV gửi các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan để đôn đốc sớm có ý kiến đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP (lần 2).

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được 38 ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức; không có ý kiến của các cá nhân, tổ chức thông qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, dự thảo Tờ trình và gửi Bộ Tư pháp thẩm định (văn bản số .../BKHĐT-QDNNVV ngày .../.../2023).

- Trên cơ sở văn bản thẩm định số của Bộ Tư pháp và ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình, tiếp thu dự thảo Nghị định và trình Chính phủ nội dung như dưới đây.

IV. TÊN GỌI, BỐ CỤC NGHỊ ĐỊNH

1. Tên gọi Nghị định

“Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

2. Bố cục của Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 3 Điều, trong đó:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Sửa đổi, bổ sung tên, nội dung của một số điểm, khoản tại 24 Điều gồm: Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 15, Điều 16, Điều 22, Điều 23, Điều 28, Điều 29, Điều 38, Điều 45, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 59.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

V. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Về giải thích từ ngữ

Sửa đổi một số khoản tại Điều 4 về giải thích từ ngữ như sau:

- Sửa đổi khoản 1: “1. “*Người quản lý Quỹ*” là người giữ chức danh, chức vụ *Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc.*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 24 Điều 4 và điểm b khoản 3 Điều 103 Luật Doanh nghiệp 2020; theo đó, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không được là người quản lý Quỹ.

- Sửa đổi khoản 2: “2. “*Người lao động của Quỹ*” là người làm việc cho Quỹ theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của Quỹ theo quy định pháp luật về lao động nhưng không giữ các chức danh, chức vụ quy định tại khoản 1 Điều này.”, đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019.

2. Về cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ

Sửa đổi khoản 2 Điều 6 thay “Kiểm soát viên” thành “Ban kiểm soát”, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Doanh nghiệp 2020.

3. Về quy định đối với Hội đồng thành viên

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 về quyền và nghĩa vụ:

+ Sửa đổi điểm a: “a) *Quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm, hằng năm của Quỹ sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt;*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

+ Sửa đổi điểm d: “d) *Quyết định Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt;*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm e khoản 2 Điều 44 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

+ Sửa đổi điểm đ: “đ) *Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật hoặc thuê theo phương án nhân sự đối với Giám đốc sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận;*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Doanh nghiệp 2020.

+ Bổ sung điểm i: “i) *Quyết định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Giám đốc, các chức danh khác do Hội đồng thành viên bổ nhiệm;*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

+ Bổ sung điểm k: “k) *Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc.*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 44 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Bổ sung điểm e khoản 5 Điều 7 về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên: “e) *Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc.*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 93 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Sửa đổi điểm c khoản 6 Điều 7 về quyền và nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng thành viên: “c) *Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép, trích lục sổ ghi chép và theo dõi hợp đồng, giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của Quý*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 96 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Sửa đổi điểm d khoản 7 Điều 7 về trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên: “d) *Trường hợp thành viên Hội đồng thành viên phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên khác có hành vi vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Bộ Kế hoạch và Đầu tư; yêu cầu thành viên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 97 Luật Doanh nghiệp 2020.

4. Về quy định đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên

Sửa đổi khoản 4 Điều 8 về Chủ tịch Hội đồng thành viên: “4. *Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý và hằng năm của Hội đồng thành viên.*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Doanh nghiệp 2020.

5. Về quy định đối với Ban kiểm soát

Sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 như sau:

- Sửa đổi tên Điều 9: “*Điều 9. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên*”, đảm bảo phù hợp với Điều 103 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Sửa đổi khoản 1: “1. *Căn cứ quy mô của Quý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định thành lập Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.*”, đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 103 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Sửa đổi tên và điểm a, điểm c khoản 2, phù hợp với khoản 3 Điều 103 Luật Doanh nghiệp 2020:

“2. *Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên*

a) *Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;*

c) *Không được là người quản lý Quý; không được là Kiểm soát viên của*

doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Quỹ;"

- Sửa đổi tên khoản 3: "*3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát*", đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức của Quỹ do thay "*Kiểm soát viên*" thành "*Ban kiểm soát*", phù hợp với Điều 104, Điều 105 Luật Doanh nghiệp 2020.

e) Sửa đổi điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ và bổ sung điểm e, điểm g, điểm h, điểm i khoản 3, đảm bảo phù hợp với Điều 104, Điều 105 Luật Doanh nghiệp 2020:

"b) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Giám đốc;

c) Giám sát, đánh giá thực trạng tài chính, hoạt động của Quỹ, thực trạng vận hành và hiệu lực các quy chế quản trị nội bộ của Quỹ;

d) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán và giao dịch kinh tế khác có quy mô lớn của Quỹ theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

đ) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Hội đồng thành viên;

e) Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, Giám đốc về các quyết định trong quản lý điều hành khi cần thiết;

g) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Quỹ; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

h) Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động của Quỹ;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư."

- Bổ sung điểm d, điểm đ, điểm e khoản 4, đảm bảo phù hợp Điều 107 Luật Doanh nghiệp năm 2020:

"d) Báo cáo kịp thời cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện Kiểm soát viên đó vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao;

đ) Báo cáo kịp thời cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kiểm soát viên khác và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây: Phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ

và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó; Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định tại Nghị định này hoặc quy chế hoạt động của Quỹ;

e) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Quỹ thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Quỹ mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản này."

- Sửa đổi khoản 5 phù hợp với Điều 106 Luật Doanh nghiệp 2020:

"a) Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng Kiểm soát viên;

b) Kiểm soát viên chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết;

c) Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát;

d) Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư."

6. Về quy định đối với Giám đốc

Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 10 như sau:

- Sửa đổi khoản 1 như sau: "1. Giám đốc do Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật hoặc thuê theo phương án nhân sự đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận. Giám đốc được bổ nhiệm làm việc theo nhiệm kì 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.", đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Sửa đổi tên khoản 3: "3. Giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của Quỹ và có quyền, nghĩa vụ sau đây:", đảm bảo phù hợp với khoản 2 Điều 100 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Bổ sung điểm k khoản 3: "k) Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Quỹ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên.", đảm bảo phù hợp với điểm e khoản 2 Điều 100 Luật Doanh nghiệp 2020.

7. Về quan hệ giữa Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Giám đốc trong quản lý, điều hành Quỹ

Thay thế cụm từ "Kiểm soát viên" bằng "Ban kiểm soát, Kiểm soát viên", như sau:

- Sửa đổi tên: "Điều 11. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và Giám đốc trong quản lý, điều hành Quỹ", phù hợp với khoản 2 Điều 90 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Sửa đổi khoản 4: "4. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát, Kiểm soát viên với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thành viên và Giám đốc theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên.", phù hợp với khoản 2 Điều 90 Luật Doanh nghiệp 2020.

8. Về cho vay

8.1. Cho vay trực tiếp

- Bổ sung khoản 4 Điều 15 về nguyên tắc cho vay trực tiếp: "4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn của Quỹ đã hoàn trả hết nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận (trừ trường hợp bất khả kháng) thì được Quỹ tiếp tục xem xét cho vay."

Mục tiêu của Quỹ là hỗ trợ cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần đưa nguồn vốn tới nhiều doanh nghiệp để phát triển. Hạn chế một doanh nghiệp trong cùng một giai đoạn vay vốn dàn trải cho nhiều dự án, phương án sản xuất kinh doanh. Đồng thời, sau khi doanh nghiệp hoàn trả hết vốn vay theo Hợp đồng sẽ đủ cơ sở đánh giá kết quả, hiệu quả, khả năng và nhu cầu thực sự hỗ trợ lần tiếp theo.

- Khi xây dựng Nghị định 39/2019/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định cụ thể đối với tiêu chí DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nên tiêu chí đó đã được quy định trong Nghị định số 39/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay, các tiêu chí cụ thể nêu trên đã được quy định trong Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Do đó, nhằm đảm bảo tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật, cần sửa đổi, bổ sung một số điểm khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 về điều kiện vay vốn:

+ Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1:

"a) Đáp ứng tiêu chí doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi và đảm bảo phù hợp với tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;"

+ Sửa đổi điểm a, điểm b và bổ sung điểm c khoản 2:

"a) Tham gia cụm liên kết ngành theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi trong ngành, lĩnh vực của cụm liên kết ngành;

c) Đáp ứng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này."

+ Sửa đổi điểm a, điểm b và bổ sung điểm c khoản 3:

"a) Tham gia chuỗi giá trị theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi và có sản phẩm thuộc chuỗi giá trị;

c) Đáp ứng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này."

- Sửa đổi khoản 1 Điều 38 về trích lập dự phòng rủi ro cho vay: "1. Quỹ trích lập dự phòng rủi ro cho vay trực tiếp và được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ. Mức trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về trích lập dự phòng rủi ro của các tổ chức tín dụng.", nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật đối với nội dung trích lập dự phòng rủi ro.

8.2. Cho vay gián tiếp

- Bổ sung khoản 6 Điều 22 về nguyên tắc cho vay gián tiếp: "6. Doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn của Quỹ đã hoàn trả hết nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận (trừ trường hợp bất khả kháng) thì được Quỹ tiếp tục xem xét cho vay."

Mục tiêu của Quỹ là hỗ trợ cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần đưa nguồn vốn tới nhiều doanh nghiệp để phát triển. Hạn chế một doanh nghiệp trong cùng một giai đoạn vay vốn dần trải cho nhiều dự án, phương án sản xuất kinh doanh. Đồng thời, sau khi doanh nghiệp hoàn trả hết sẽ đủ cơ sở đánh giá kết quả, hiệu quả, khả năng và nhu cầu thực sự hỗ trợ lần tiếp theo.

- Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 23, dẫn chiếu đảm bảo phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 16:

+ Sửa đổi điểm a khoản 2: "a) Đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định này;"

+ Sửa đổi điểm a khoản 3: "a) Đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định này;"

9. Về tài trợ vốn

- Bổ sung khoản 3 Điều 28 về nguyên tắc tài trợ vốn của Quỹ: "3. Mỗi doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quỹ xem xét, quyết định tài trợ vốn không quá một (01) lần."

Mục tiêu hỗ trợ cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần đưa nguồn vốn tới nhiều doanh nghiệp để phát triển. Để hạn chế tập trung tài trợ vốn nhiều lần đối với 01 doanh nghiệp, tạo sự công bằng giữa các doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn tài trợ của Quỹ. Bên cạnh đó, khi doanh nghiệp nhận tài trợ và hoạt động hiệu quả có thể được nhận hình thức hỗ trợ thông qua hoạt động cho vay của Quỹ.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 29 về điều kiện và mức tài trợ vốn: "1. Doanh nghiệp

nhỏ và vừa được Quỹ xem xét, quyết định tài trợ vốn khi đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 hoặc điểm c khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 hoặc điểm c khoản 1, điểm a, điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định này.”, dẫn chiếu lại các điều, khoản đảm bảo phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 16.

10. Về trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sửa đổi khoản 5, khoản 6, khoản 8, khoản 10 và bổ sung khoản 12 Điều 57 như sau:

- Sửa đổi khoản 5: “5. *Phê duyệt chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm, hằng năm của Quỹ;*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Sửa đổi khoản 6: “6. *Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên; quyết định quỹ tiền lương, thù lao hằng năm của người quản lý, Kiểm soát viên. Chấp thuận đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật hoặc thuê theo phương án nhân sự đối với Giám đốc.*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Sửa đổi khoản 8: “8. *Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;*”, đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 10 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 10: “10. *Đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động của Quỹ; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý, Kiểm soát viên;*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 42 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Bổ sung khoản 12: “12. *Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ.*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm i khoản 2 Điều 42 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

11. Một số nội dung sửa đổi khác

- Sửa đổi khoản 6 Điều 45 về mục đích sử dụng vốn: “6. *Sử dụng vốn nhằm rỗi thuộc vốn hoạt động quy định tại Điều 43 Nghị định này để gửi tại ngân hàng thương mại nhưng phải đảm bảo an toàn vốn.*”, bỏ cụm từ “tiết kiệm” nhằm bảo đảm phù hợp với tính chất hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ và quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017, theo đó, Quỹ gửi tiền nhàn rỗi tại ngân hàng thương mại dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn nhằm bảo toàn vốn để phục vụ cho hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, tại Điều 3 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tiền gửi tiết kiệm, quy định người gửi tiền tiết kiệm là cá nhân, không có tổ chức.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 53 về Báo cáo tài chính: “3. Hội đồng thành viên quyết định Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.”, bỏ quy định về thẩm định của Kiểm soát viên do theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không có trách nhiệm thẩm định Báo cáo tài chính cho Hội đồng thành viên.

- Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 4 Điều 54, để đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức của Quỹ do thay “Kiểm soát viên” thành “Ban kiểm soát” và nội dung sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP:

“a) Việc giám sát được thực hiện thông qua hoạt động của Ban kiểm soát;

b) Nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 9 Nghị định này.”

- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 56, đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật DN 2020: “c) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;”

- Sửa đổi nội dung “người quản lý của Quỹ” và “người quản lý” thành “người quản lý, Kiểm soát viên” tại điểm a khoản 2 Điều 48; Điều 49; điểm c, điểm đ, điểm e khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 50; điểm a, khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 51 và Điều 59, phù hợp với việc sửa đổi tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP.

12. Về quy định chuyển tiếp

Các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được Quỹ quyết định tài trợ vốn, cho vay trực tiếp hoặc quyết định chuyển vốn cho ngân hàng để thực hiện cho vay gián tiếp trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

VI. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ NGÀNH

1. Các ý kiến tiếp thu

1.1. Về rà soát nội dung của dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với quy định của một số Luật liên quan (Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp tục rà soát; các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022), Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp năm 2014, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)... và các quy định của pháp luật khác có liên quan đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất, khả thi với tính

chất hoạt động của Quỹ.

1.2. Về cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ giữ nguyên mô hình hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP (Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát và xây dựng Báo cáo đánh giá 3 năm triển khai Nghị định số 39/2019/NĐ-CP; đã đánh giá, chỉ ra những tồn tại, vướng mắc và đề xuất các giải pháp, nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định để khắc phục.

+ Qua rà soát, sau hơn 3 năm hoạt động theo Nghị định số 39/2019/NĐ-CP, tổng số vốn Quỹ đã chấp thuận cho vay là 596 tỷ đồng; trong đó, riêng từ tháng 5/2023 - 7/2023, tổng số vốn Quỹ đã chấp thuận cho vay là 313,3 tỷ đồng. Như vậy, chỉ trong vòng 3 tháng năm 2023, tổng số vốn chấp thuận đã chiếm 52,6% trong cả thời kỳ hơn 3 năm hoạt động. Có thể thấy, việc khó triển khai hoạt động trước đó không phải do mô hình hoạt động của Quỹ mà do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan, bao gồm cách thức tổ chức thực hiện.

+ Các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 39/2019/NĐ-CP thời gian qua không phải do mô hình hoạt động của Quỹ mà chỉ có một số điều khoản quy định chưa rõ ràng cần sửa đổi, bổ sung. Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giữ nguyên mô hình hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP.

1.3. Về hoàn thiện Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Nghị định số 39/2019/NĐ-CP (Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo đánh giá 3 năm triển khai Nghị định số 39/2019/NĐ-CP; đã đánh giá, chỉ ra những tồn tại, vướng mắc và đề xuất các giải pháp, nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định để khắc phục.

1.4. Về nguyên tắc cho vay, bổ sung Điều 15 và Điều 22 Nghị định 39/2019/NĐ-CP (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam): Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, điều chỉnh đảm bảo thống nhất cách hiểu, hạn chế những khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và rà soát sửa lại nội dung tại dự thảo Nghị định như sau: "Doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn của Quỹ đã hoàn trả hết nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận (trừ trường hợp bất khả kháng) thì được Quỹ tiếp tục xem xét cho vay."

2. Các ý kiến giải trình

2.1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị cân nhắc sửa "Kiểm soát viên" thành "Ban kiểm soát" để đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 5 Điều 1 (sửa đổi Điều 9 Nghị định 39/2019/NĐ-CP) dự thảo Nghị định.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến giải trình như sau: Quy định dự thảo Nghị

định phù hợp với điểm đ khoản 2 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp năm 2014.

2.2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị rà soát, bổ sung thêm “Ban kiểm soát” hoặc “trường ban kiểm soát” trong nội dung “đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý,...”.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến giải trình như sau: Quy định tại dự thảo Nghị định là đảm bảo phù hợp với điểm 1 khoản 2 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp năm 2014.

2.3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến góp ý: Tại điểm a khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định: đề nghị sửa lại thành “Giám đốc có nhiệm vụ quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ...” (bỏ cụm từ “hàng ngày”).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến giải trình như sau: Dự thảo Nghị định sửa đổi nội dung này nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật DN 2020.

2.4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị nghiên cứu cơ chế cho vay gián tiếp theo các phương án sau: i) Phương án 1. Giữ nguyên như tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP. Khi đó, đề nghị bổ sung về “DNNVV được NHTM cho vay từ nguồn vốn của Quỹ khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng” tại Điều 23 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP và bổ sung quy định về trách nhiệm của Quỹ về việc xác nhận DNNVV đủ tiêu chí để vay vốn gián tiếp từ nguồn vốn của Quỹ. ii) Phương án 2. Cho vay gián tiếp thông qua việc Quỹ ủy thác cho các NHTM cho vay. Khi đó, đề nghị chỉnh sửa quy định tại khoản 2 Điều 22 thành: “NHTM tiếp nhận vốn từ Quỹ dưới hình thức nhận ủy thác để cho vay với với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật ngân hàng về ủy thác, nhận ủy thác của TCTD”; đồng thời chỉnh sửa điểm b các khoản 1, 2, 3 Điều 23 thành: “Có dự án, phương án sản xuất kinh doanh được Quỹ đánh giá khả thi/hiệu quả.”; bỏ nội dung quy định ngân hàng chịu rủi ro về quyết định cho vay tại khoản 3 Điều 22 do nội dung này không phù hợp đối với quy định của pháp luật ngân hàng về ủy thác, nhận ủy thác của TCTD.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến giải trình như sau: Hoạt động cho vay gián tiếp của Quỹ giữ nguyên theo quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP. Theo đó, Khoản 4 Điều 26 NĐ 39 đã quy định ngân hàng có trách nhiệm thẩm định, ra quyết định cho vay đối với DNNVV và Khoản 7 Điều 26 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP đã quy định về trách nhiệm của Quỹ đối với hoạt động cho vay gián tiếp.

2.5. Về phí cho vay gián tiếp tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 39/2019/NĐ-CP (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam): Đề nghị cân nhắc không quy định giới hạn mức phí cho vay gián tiếp (không vượt quá 50% tiền lãi cho vay gián tiếp thu được). Mức phí này nên do Quỹ và NHTM thỏa thuận, nhưng không vượt quá tiền lãi cho vay gián tiếp thu được đối với mỗi dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, nhằm đảm bảo các NHTM có thể bù đắp chi phí và khuyến khích sự tham gia cho vay gián tiếp.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến giải trình như sau: Việc quy định không vượt

quá một con số cụ thể như tại Nghị định 39/2019/NĐ-CP (không quá 50%) nhằm tạo sự minh bạch, bảo đảm mức vốn an toàn cho Quỹ hoạt động. Do đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại Nghị định 39/2019/NĐ-CP.

2.6. Về địa vị pháp lý và tư cách pháp nhân của Quỹ (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội): Tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP đang quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của Quỹ, tuy nhiên, tại khoản 19 Điều 2 Nghị định số 89/2022/NĐ-CP thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan “quản lý Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”. Do đó, đề nghị rà soát quy định hiện hành và cân nhắc sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo hướng: (i) thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Quỹ và (ii) thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau: Qua rà soát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng quy định về quyền và nghĩa vụ của Bộ KH&ĐT tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP không mâu thuẫn với các quy định tại Nghị định số 89/2022/NĐ-CP cũng như các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý Quỹ Phát triển DNNVV theo Nghị định số 89/2022/NĐ-CP và là cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước của Quỹ theo Nghị định số 39/2019/NĐ-CP. Do đó, không cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung này.

2.7. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội): Đề nghị xem xét, cân nhắc quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Quỹ căn cứ theo khoản 1 Điều 20 Luật Hỗ trợ DNNVV 2017 và tại điểm a khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 5 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP: nhiệm vụ của Quỹ là “hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa...” nhưng quyền hạn của Quỹ lại là “được yêu cầu doanh nghiệp trả chi phí...” là không rõ ràng và chưa chặt chẽ. Đề nghị rà soát để sửa đổi điểm e khoản 2 Điều 5 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP thành “được yêu cầu doanh nghiệp trả chi phí trong một số trường hợp được quy định tại Nghị định này”.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát các nội dung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP và thấy đã đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hỗ trợ DNNVV. Do vậy, thống nhất giữ nguyên theo quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP.

+ Nghị định số 39/2019/NĐ-CP đã quy định Quỹ: "Được yêu cầu doanh nghiệp trả chi phí khi tham gia các hoạt động hỗ trợ của Quỹ". Bên cạnh đó, nguồn thu từ hoạt động này là nhằm bù đắp một phần chi phí bảo đảm duy trì hoạt động của Quỹ.

Các nội dung hỗ trợ tăng cường năng lực của Quỹ đã được quy định tại Điều 33 của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP.

Do vậy, thống nhất giữ nguyên theo quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP.

VII. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH BỘ TƯ PHÁP

(Tiếp thu sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

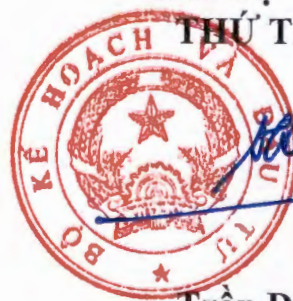
Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. / *Vũ*

(Hồ sơ gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (3) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, đơn vị; (4) Báo cáo Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị định số 39/2019/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; (5) Bản chụp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan.)

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Lưu: VT, QDNNVV *17*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Duy Đông